

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ -ST

Ngày 27/02/2025.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước;

2/. Bà Dương Thị Tú Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 397/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2025, giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị Cao Hồng N, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Bị đơn:* Anh Hồng Văn H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chị N có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Cao Hồng N có lời khai trình bày: Chị với anh Hồng V Hết có làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2012, còn ngày tháng nào không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; về con chung trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh H sinh được 01 người con tên Hồng Nhật H1, sinh ngày 12/8/2013, hiện đang sống với chị; về tài sản chung, nợ

chung không có; nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh H không lo cho vợ, con về kinh tế, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, chị và anh H không còn sống chung khoản 02 năm nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu được nuôi người con tên Hồng Nhật H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồng V Hết vắng mặt mặc dù được Tòa án nhân dân huyện Phước Long triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành quy định của khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Cao Thị N1, cho chị N1 được ly hôn với anh Hồng Văn H.

+ Về con chung: Đề nghị căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Hồng Nhật H1, sinh ngày 12/8/2013 cho chị N1 trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị N1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Cao Thị N1 khởi kiện anh Hồng V Hết về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N1 có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 tại phiên xét xử nên việc xét xử vắng mặt chị N1, anh H là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Hồng N xác định, chị với anh Hồng V Hết có làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2012, còn ngày tháng thì không nhớ, có đăng ký kết hôn. Tại giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/8/2013 thể hiện chị và anh H có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chị N

yêu cầu ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của chị N và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, theo lời khai của chị N thì chị và anh H không còn sống chung khoản 02 năm nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Hồng N, cho chị N được ly hôn với anh Hồng Văn H.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị N và giấy khai sinh do chị N cung cấp thì chị và anh H có 01 người con tên Hồng Nhật H1, sinh ngày 12/8/2013, hiện đang sống với chị N, khi ly hôn chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, cháu H1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị N và đang sống ổn định với chị N; để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Hồng Nhật H1, sinh ngày 12/8/2013 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con do chị N, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Anh H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chị N, thì chị và anh H không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị, anh; chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Cao Hồng N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Hồng N2, cho chị N2 được ly hôn với anh Hồng Văn H.

2/. Về con chung: tiếp tục giao cháu Hồng Nhật H1, sinh ngày 12/8/2013 cho chị N2 chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về cấp dưỡng, không đặt ra xem xét, giải quyết; Anh H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Cao Hồng N phải nộp 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003079 ngày 20 tháng 12 năm 2024 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh Hồng Văn H không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn